

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TRUNG TÂM INTERNET VIỆT NAM

DANH SÁCH ỨNG VIÊN ĐƯỢC VÀO VÒNG PHÒNG VẤN

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Điểm môn chung	Điểm chuyên ngành	Điểm môn tiếng Anh
1	VNNIC.016	Lê Đức Điện	23/7/1991	Nam	Học viện công nghệ BCVT	Điện tử viễn thông	50	50	Miễn
2	VNNIC.019	Hoàng Vi Dự	26/8/1989	Nữ	Học viện công nghệ BCVT	Công nghệ thông tin	80	58.5	94
3	VNNIC.020	Nguyễn Tiến Dũng	2/12/1985	Nam	Đại học Bách khoa Hà Nội	Điện tử viễn thông	50	50	70
4	VNNIC.028	Nguyễn Tuấn Hiệp	27/10/1985	Nam	Đại học Giao thông vận tải	Kỹ thuật viễn thông	50	51.5	60
5	VNNIC.035	Nguyễn Thạc Hùng	2/9/1988	Nam	Học viện công nghệ BCVT	Điện tử viễn thông	79	50.5	80
6	VNNIC.054	Trần Văn Năm	26/3/1988	Nam	Đại học Bách khoa Hà Nội	Công nghệ thông tin	50	55	64
7	VNNIC.055	Trần Quang Nghĩa	23/8/1988	Nam	Học viện kỹ thuật quân sự	Điện tử viễn thông	50	50.5	78
8	VNNIC.060	Nguyễn Thị Quỳnh	12/2/1990	Nữ	Học viện công nghệ BCVT	Công nghệ thông tin	54	50	70
9	VNNIC.064	Vương Đình Thắng	3/9/1985	Nam	Đại học Bách khoa Hà Nội	Điện tử viễn thông	72	50	52
10	VNNIC.072	Nguyễn Văn Tiến	5/5/1983	Nam	Đại học Bách khoa Hà Nội	Điện tử viễn thông	66	50	Miễn
11	VNNIC.083	Ngô Duy Tú	2/1/1986	Nam	Đại học Bách khoa Hà Nội	Điện tử viễn thông	50	52	70
12	VNNIC.085	Lê Lương Tuấn	12/8/1979	Nam	Đại học Bách khoa Hà Nội	Điện tử viễn thông	72	61	50
13	VNNIC.088	Phí Thanh Tùng	5/12/1990	Nam	Học viện công nghệ BCVT	Kỹ thuật điện tử viễn thông	53	53	76
14	VNNIC.092	Nguyễn Phồn Vinh	15/3/1989	Nam	Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Công nghệ thông tin	68	51	50
15	VNNIC.095	Nguyễn Quỳnh Chi	15/10/1992	Nữ	Học viện phát triển quản lý Singapore	Tài chính ngân hàng	50	50	Miễn